

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12- 9- 2025

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Trung và bà Trần Thế Yên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Lương Huy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:116/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1987

Các đương sự đều cư trú tại : Tổ dân phố A, phường V, tỉnh Lào Cai

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 17-6- 2025 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 27-12-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Cuộc sống đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng đến tháng 11 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh A hay uống rượu say vào

ghen thông, đánh đập chị, hai bên đã tự hoà giải nhiều lần xong không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh A không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn A.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Hồng Á, sinh ngày 28-5-2019 và Phan Thùy L, sinh ngày 21-7-2022, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phan Văn A; Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Phan Thị Hồng Á, sinh ngày 28-5-2019 và Phan Thùy L, sinh ngày 21-7-2022 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn A có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã P, huyện Y tỉnh Yên Bái (nay là Tổ dân phố A, phường V, tỉnh Lào Cai), căn cứ Điều 6, Nghị quyết số 01 /2025/ND-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn A được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn A tự nguyện

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã L, tỉnh Hưng Yên) ngày 27-12-2017, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để chị Nguyễn Thị T về đoàn tụ với anh Phan Văn A, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị Nguyễn Thị T kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; vợ chồng đã sống ly thân, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn A.

[3] Về nuôi con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai con chung là Phan Thị Hồng Á, sinh ngày 28-5-2019 và Phan Thùy L, sinh ngày 21-7-2022. Từ khi chị vợ chồng sống ly thân năm 2024 đến nay thì cả hai con đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu vẫn đảm bảo được sinh hoạt và học tập đầy đủ. Anh Phan Văn A không có mặt nên không thể hiện được quan điểm về việc nuôi con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị T, giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn A.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con là: Phan Thị Hồng Á, sinh ngày 28/5/2019 và Phan Thùy L, sinh ngày 21/7/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0002512 ngày 17-6- 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- THADS khu vực 2- Lào Cai;
- UBND xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

